TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07/5/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lưỡng

Ông Nguyễn Sương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 456/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 198/TB-TA ngày 03/4/2020 và thông báo ngày xét xử số 216/TB-TA ngày 23/4/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn P,** sinh năm 1988

Địa chỉ: 173/3 đường 138, KP4, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích K,** sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T1, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Bích K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh năm 2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông không quan tâm đến gia đình, vợ con và vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông và bà K đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được

ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích K.

Về con chung: Giữa ông và bà K có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kiều Ch, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2014. Khi ly hôn, ông giao con cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông P ăn nhậu, cờ bạc bỏ bê gia đình, không quan tâm đến vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông P vẫn không thay đổi. Vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Vì vậy, bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông P.

Về con chung: Bà và ông P có một con chung là Nguyễn Ngọc Kiều Ch, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2014, hiện tại đang ở với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đồng ý để ông P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Ngọc Kiều Ch; bản photo chứng minh nhân dân Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Bích K; bản photo sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Văn Ng; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Bích K.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa ông P và bà K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Do đó ông P yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông P được ly hôn với

bà K; về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc K Châu, sinh ngày 18/11/2014 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông P cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng; về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà K xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K cư trú tại thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Bích K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105/2012, quyển số 02/2012 ngày 25/10/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa ông P và bà K phát sinh mâu thuẫn do ông P bỏ bê gia đình, không quan tâm đến vợ con, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn thương yêu nhau và không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Nay ông P yêu cầu ly hôn, bà K cũng đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của ông P là hoàn toàn tự nguyện và có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông P và bà K có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kiều Ch, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2014, hiện đang sống cùng bà K. Ông P yêu cầu giao cháu Ch cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, yêu cầu này phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của bà K và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Bích K xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 110, 115, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kiều Ch, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Bích K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

Ông Nguyễn Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Bích K xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn*

đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008933 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ông P còn phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường T, quận X, TP Hồ Chí Minh (GCNKH số 105/2012 ngày 25/10/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Quỳnh Trang